TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST Ngày: 12-5-2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đương

2. Ông Lê Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

- Hỗ trợ phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại hai điểm cầu: Điểm cầu Trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C và điểm cầu thành phần tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã D. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 24/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc D, sinh năm 1991. Địa chỉ: Khóm 3, phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh có mặt.

Bị đơn: Anh Dương Quốc N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp V, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Ngọc D trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Dương Quốc N qua một thời gian tìm hiểu hai bên tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D (nay là thị xã D), tỉnh Trà Vinh vào ngày 13/12/2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Dương Gia B, sinh ngày 06/10/2011 và Dương Gia T, sinh ngày 16/4/2018 hiện các con do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng đầu năm 2022 thì vợ chồng bất đồng ý kiến, sống không hợp nhau nên dẫn đến mâu thuẫn. Mặc dù sống không hợp nhau nhưng chị vẫn cố gắn vun đắp tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có tiếng nói chung và vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Dương Quốc N.

- Về nuôi con tên: Dương Gia B, sinh ngày 06/10/2011 và Dương Gia T, sinh ngày 16/4/2018 hiện đang sống chung với chị D. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con khi ly hôn và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị D không không tranh chấp, không khởi kiện.

- Đối với bị đơn anh Dương Quốc N, mặc dù sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì. Anh N vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh N, yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu. Bị đơn anh Dương Quốc N vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát Viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị D và anh N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi và đã ly thân từ tháng 02/2022, từ khi ly thân thì cả hai bỏ mặc, không quan tâm đến tình cảm vợ chồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh Dương Quốc N. Về con chung: Từ khi sống ly thân cháu B và cháu Tg sống chung với chị D và được chị chăm sóc chu đáo, các cháu phát triển toàn diện về mọi mặt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị D được quyền nuôi con chung là cháu Dương Gia B, sinh ngày 06/10/2011 và Dương Gia T, sinh ngày 16/4/2018. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả chị D không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị D và anh N là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung; Bị đơn đang cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Dương Quốc N là bị đơn, được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, anh N vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Dương Quốc N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D (nay là thị xã D), tỉnh Trà Vinh vào ngày 13/12/2011 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị D và anh N là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D: Theo lời khai của chị D thì chị và anh N qua một thời gian tìm hiểu hai bên tự nguyện tiến đến hôn nhân và kết hôn vào tháng 12/2011 cho đến đầu năm 2022 thì vợ chồng ly thân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên chị xin ly hôn với anh N, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng anh N đã nhận nhưng anh N không đến Tòa án, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì để Tòa án xem xét về hôn nhân giữa anh và chị D, điều đó chứng tỏ rằng anh N không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị D, mặc khác qua xác minh của Tòa án thì cha anh N trình bày có nghe anh N nói lại là giữa anh và chị D có xảy ra mâu thuẫn. Ngoài ra, trong thời gian sống ly thân hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau để cải thiện quan hệ vợ chồng, khắc phục sai lầm, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Từ đó thấy rằng mâu thuẫn giữa chị D và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D xin ly hôn là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Hiện tại chị D đang nuôi dưỡng, chị D yêu cầu tiếp tục nuôi con. Xét thấy con chung của chị D và anh N là cháu Dương Gia B, sinh ngày 06/10/2011 và Dương Gia T, sinh ngày 16/4/2018, từ khi vợ chồng sống ly thân chị D nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con cũng đã ổn định, tình cảm giữa chị và các con gắng bó hơn, mặc khác cháu Gia B có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó việc giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng sẽ được chăm sóc chu đáo về mọi mặt nhằm tạo điều kiện cho cháu Gia B và cháu Gia T có cuộc sống ổn định phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần sau này. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con cho chị D được quyền chăm sóc nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị D không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Ngọc D phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[6] Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc D.

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Ngọc D được ly hôn với anh Dương Quốc N.

- Về nuôi con chung: Chị Trần Ngọc D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Dương Gia B, sinh ngày 06/10/2011 và Dương Gia T, sinh ngày 16/4/2018 khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Ngọc D không yêu cầu anh Dương Quốc N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị Trần Ngọc D không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013231 ngày 30/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Chị D đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Ngọc Hùng Anh